



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886, Fax: 84.511.3655887
Email: aac@aac.com.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 3 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235, Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1094/BCKT-AAC



Đà Nẵng, ngày 08 tháng 9 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT**Kính gửi:**

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 28/08/2011 của Công ty Cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.2 và 20.f, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong thanh toán và do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng Cam Ranh hiện đang phản ánh tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán mà chưa ghi nhận vào chi phí trong kỳ là chưa đúng quy định hiện hành (số phát sinh trong kỳ là 10.096.472.546 đồng và giá trị lũy kế đến thời điểm 30/06/2011 là 22.303.659.909 đồng).

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VLXD XÂY LẬP ĐÀ NẴNG
15 Lê Hồng Phong - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		6 tháng đầu năm 2011 VND	6 tháng đầu năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	294.730.310.091	295.805.926.301
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	166.342.025	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & c.cấp dịch vụ	10	21	294.563.968.066	295.805.926.301
4. Giá vốn hàng bán	11	22	284.775.756.520	288.729.498.762
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & c.cấp dịch vụ	20		9.788.211.546	7.076.427.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.250.904.364	919.398.440
7. Chi phí tài chính	22	24	1.635.884.025	2.711.815.812
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.635.884.025	2.056.047.720
8. Chi phí bán hàng	24		8.429.042.541	8.665.216.897
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.561.562.511	4.826.591.764
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.587.373.167)	(8.207.798.494)
11. Thu nhập khác	31	25	14.462.356.295	14.804.239.961
12. Chi phí khác	32	26	4.121.810.913	2.145.960.449
13. Lợi nhuận khác	40		10.340.545.382	12.658.279.512
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	5.753.172.215	4.450.481.018
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.664.291.364	1.202.850.980
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	4.088.880.851	3.247.630.038
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	413	328



Nguyễn Duy Diễn

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng